TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **111**/2026/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 282/2026/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Tô Tiến H, sinh ngày 11/8/1986, số Căn cước: 034086007476 cấp ngày 26/01/2026

Địa chỉ: C Khu E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Đào Thị Ngọc M, sinh ngày 17/5/1993, số Căn cước: 082193000109 cấp ngày 03/11/2025.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Tô Tiến H và bà Đào Thị Ngọc M chung sống với nhau từ năm 2023 và đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 163, ngày 13/11/2023, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 5 năm 2026, ông H và bà M xác nhận: Mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình thì việc ông H và bà M thuận tình ly hôn là hoàn toàn có căn cứ.

[2]. Về con chung: Ông Tô Tiến H và bà Đào Thị Ngọc M xác định vợ chồng có 01 con chung tên Tô Quang H1, sinh ngày 25/10/2024. Sau ly hôn,

ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Đào Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Tô Tiến H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét thấy thỏa thuận trên của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí việc hôn nhân: Ông Tô Tiến H và bà Đào Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027392 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Tô Tiến H và bà Đào Thị Ngọc M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Tô Tiến H và bà Đào Thị Ngọc M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Ông Tô Tiến H và bà Đào Thị Ngọc M có 01 con chung tên Tô Quang H1, sinh ngày 25/10/2024. Sau ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Đào Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Tô Tiến H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Tô Tiến H và bà Đào Thị Ngọc M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027392 ngày 04/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tam Thắng, TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phan Thu Hiền